TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 22 - 9 - 2023
V/v: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Ông **Nguyễn Tư Thế**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Nguyễn Văn Toản** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu H. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Võ Thị H1, bà Lê Thanh Th

Địa chỉ: Số nhà 106, thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 05/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/8/2020 vợ chồng chị Võ Thị H1, anh Lê Thanh Th có trình bày hoàn cảnh và vay của chị Trần Thị Thu H số tiền gốc 58.700.000 đồng và hẹn chị H đến ngày 15/12/2020 sẽ trả đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi. Lãi suất hai bên thoả thuận là 1,5%/ tháng. Tuy nhiên đến ngày 04/3/2021 sau khi tính lãi thì tổng tiền nợ gốc và nợ

lãi của anh Th, chị H1 là 66.560.000 đồng. Anh Th, chị H1 có trả được 46.560.000 đồng nên còn nợ lãi chị H số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tính từ ngày 04/3/2021 và hẹn ngày 30/12/2021 sẽ trả đủ toàn bộ số tiền gốc và lãi cho chị H.

Mặc dù tôi đã đến nhà và gọi điện thoại để yêu cầu anh Th, chị H1 trả số tiền còn lại nhiều lần nhưng anh Th, chị H1 vẫn khất lừa không chịu trả tiền cho tôi.

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2023 thì chị H có yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Lê Thanh Th,chị Võ Thị H1 trả cho chị H số tiền 58.700.000 đồng và lãi suất 19.371.000 đồng, tổng cộng 78.071.000 đồng. Nay chị Trần Thị Thu H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn vợ chồng anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1, mặc dù anh Th, chị H1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh Th, chị H1 vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H khởi kiện anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị

đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không nộp văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th, chị H1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc anh có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị Thu H thấy rằng: Vợ chồng anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 có vay tiền của chị Trần Thị Thu H là có thật, bởi lẽ căn cứ vào giấy các giấy vay tiền vào ngày 15/8/2020, ngày 04/3/2021. Việc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng vẫn cố tình trốn tránh và không có ý kiến phản đối nên được coi là từ bỏ quyền trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H yêu cầu anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về khoản nợ gốc: Căn cứ vào giấy trả tiền ngày 04/3/2021 số tiền gốc còn lại là 20 triệu đồng nên cần chấp nhận.

Về khoản nợ lãi: Hai bên không thỏa thuận về lãi suất, có thời hạn trả nợ trong hợp đồng vay nên xác định Hợp đồng vay tài sản không có lãi, có kỳ hạn. Do đó cần áp lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 01/01/2022, cụ thể như sau: 20.000.000 đồng x 10%/năm x 20 tháng 21 ngày (tính đến ngày xét xử) = 3.450.000 đồng.

Như vậy, cần buộc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thu H tổng số tiền nợ là 23.450.000 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 3.450.000 đồng

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 23.450.000 đồng x 5% = 1.172.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H

1. Buộc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Thu H tổng số tiền nợ là 23.450.000 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* và nợ lãi là 3.450.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm năm mươi đồng).*

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Thanh Th, chị Võ Thị H1 phải chịu 1.172.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thu H số tiền 1.952.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000333, ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Chinh